

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2021

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Ông Vũ Văn Hợp

- Th[□] ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ngọc Y, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị Y có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020 của nguyên đơn Ngô Thị Ngọc Y, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hoà giải ngày 08/01/2021, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ọc sự đồng ý của gia đình hai bên, chị Ngô Thị Ngọc Y cùng anh Nguyễn Văn T thiết lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện C, tỉnh T cùng vào năm 2014; đã đ- ọc UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2014. Trong quá trình chung sống, chị Y và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 đang do chị Ngô Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng; không có tài sản chung và không có nợ chung. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng

giữa chị Y và anh T hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh **mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau**, chị Y và anh T **đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay**.

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020, chị Ngô Thị Ngọc Y yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 cho đến khi cháu Gia B tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp d- ỡng nuôi con.

* Tại bản tự khai đề ngày 04/01/2021 và phiên hoà giải ngày 08/01/2021, anh Nguyễn Văn T có ý kiến:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị Ngọc Y.
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 cho đến khi cháu Gia B tròn 18 tuổi, không yêu cầu chị Ngô Thị Ngọc Y cấp d- ỡng nuôi con.

* Tại phiên hoà giải ngày 08/01/2021, chị Ngô Thị Ngọc Y yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Tự nguyện đồng ý giao cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Gia B cho đến khi cháu Gia B tròn 18 tuổi, chị Y không cấp d- ỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngô Thị Ngọc Y yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 cho đến khi cháu Gia B tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp d- ỡng nuôi con.

Ngoài ra chị Ngô Thị Ngọc Y không yêu cầu gì thêm và bổ sung là hiện nay chị Y làm nghề kế toán cho các doanh nghiệp, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2014, chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 28/9/2020, chị Ngô Thị Ngọc Y có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn T và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Y và anh T; anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không có yêu cầu phản tố. Do đó, đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2021 cho anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 08/01/2021 (BL 43), đ-ợc sự thống nhất của chị Ngô Thị Ngọc Y, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Ngọc Y:

2.1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c-ới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh T cùng vào năm 2014, đã đ-ợc UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ngô Thị Ngọc Y yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Xét rằng: Tuy anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị Ngọc Y với lý do là anh còn thương vợ, thương con. Thế nhưng chị Y và anh T đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ-ợc. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc Y đối với anh Nguyễn Văn T.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác định là chị Y và anh T có một người con chung là cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 đang do chị Ngô Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Ngô Thị Ngọc Y: Từ khi chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T ly thân đến nay thì cháu Nguyễn Ngô Gia B đ-ợc chị Ngô Thị Ngọc Y trực tiếp nuôi d-ỡng, giáo dục; căn cứ vào nghề nghiệp, thu nhập hiện nay của chị Y, quyền lợi về mọi mặt của cháu Gia B và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cháu Gia B, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ngô Thị Ngọc Y.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ngô Thị Ngọc Y không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Ngọc Yến.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Ngô Thị Ngọc Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngô Thị Ngọc Y phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Ngô Thị Ngọc Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006638, ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Ngô Thị Ngọc Y không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **khoản 1 Điều 227**, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016**

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T.

2- Về con chung **và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Cho chị Ngô Thị Ngọc Y được** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngô Gia B, sinh ngày 21/11/2014 cho đến khi cháu Gia B tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ngô Thị Ngọc Y không **yêu cầu** nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Ngô Thị Ngọc Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngô Thị Ngọc Y phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Ngô Thị Ngọc Y đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006638, ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Ngô Thị Ngọc Y không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**15/4/2021**), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- UBND xã Đ- C- T (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng